

STT	Hiện tại					Phương án sắp xếp					Được hình thành từ trường, bộ phận trường nào	Điểm trường chính
	Tên trường	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm cả điểm chính)	Quy mô		Tên trường	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm cả điểm chính)	Quy mô			
				Số nhóm/lớp	Số trẻ/học sinh				Số nhóm/lớp	Số trẻ/học sinh		
8	Trường Tiểu học Lê Danh Phương	Tiểu học	1	28	1077	Trường Tiểu học Lê Danh Phương	Tiểu học	3	57	2039	Thực hiện sáp nhập Trường Tiểu học Hòa Bình; Tiểu học Thống Nhất; Tiểu học Lê Danh Phương	Đặt tại Tiểu học Lê Danh Phương
9	Trường Tiểu học Hòa Bình	Tiểu học	1	10	302							
10	Trường Tiểu học Thống Nhất	Tiểu học	2	19	660							
11	Trường Tiểu học Kim Trung	Tiểu học	1	20	610	Trường Tiểu học Hưng Hà	Tiểu học	4	57	1873	Thực hiện sáp nhập Trường Tiểu học Kim Trung; cấp Tiểu học của các Trường TH và THCS Văn Lang; TH và THCS Minh Khai; TH và THCS Hồng Lĩnh	Đặt tại Trường Kim Trung
12	Trường TH và THCS Hồng Lĩnh	Cấp tiểu học	1	11	388							
13	Trường TH và THCS Minh Khai	Cấp tiểu học	1	11	316							
14	Trường TH và THCS Văn Lang	Cấp tiểu học	1	15	559							

STT	Hiện tại					Phương án sắp xếp					Được hình thành từ trường, bộ phận trường nào	Điểm trường chính
	Tên trường	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm cả điểm chính)	Quy mô		Tên trường	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm cả điểm chính)	Quy mô			
				Số nhóm/lớp	Số trẻ/học sinh				Số nhóm/lớp	Số trẻ/học sinh		
15	Trường THCS Thống Nhất	THCS	1	14	593	Trường THCS Lê Danh Phương	THCS	6	84	3235	Thực hiện sáp nhập trường THCS Thống Nhất; THCS Lê Danh Phương; THCS Kim Trung và cấp Trung học cơ sở của các trường Trường TH và THCS Văn Lang; TH và THCS Minh Khai; TH và THCS Hồng Lĩnh	Đặt tại Trường THCS Lê Danh Phương
16	Trường THCS Lê Danh Phương	THCS	1	29	1118							
17	Trường THCS Kim Trung	THCS	1	13	530							
18	Trường TH và THCS Minh Khai	Cấp THCS	1	8	259							
19	Trường TH và THCS Hồng Lĩnh	THCS	1	8	305							
20	Trường TH và THCS Văn Lang	Liên cấp Tiểu học và THCS	1	12	430							

